NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 48/2018/TT-NHNN	*Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2018*

THÔNG TƯ
Quy định về tiền gửi tiết kiệm

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 70/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ và Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về tiền gửi tiết kiệm.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Thông tư này quy định về tiền gửi tiết kiệm giữa tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi là tổ chức tín dụng) và người gửi tiền.

Điều 2. Tổ chức tín dụng nhận tiền gửi tiết kiệm

Tổ chức tín dụng nhận tiền gửi tiết kiệm quy định tại Thông tư này là tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, bao gồm:

1. Ngân hàng thương mại.

2. Ngân hàng hợp tác xã.

3. Tổ chức tài chính vi mô.

4. Quỹ tín dụng nhân dân.

5. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 3. Người gửi tiền

1. Công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.

2. Công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc không mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật.

3. Công dân Việt Nam bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật hoặc chưa đủ 15 tuổi thực hiện giao dịch tiền gửi tiết kiệm thông qua người đại diện theo pháp luật; Công dân Việt Nam có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của pháp luật thực hiện giao dịch tiền gửi tiết kiệm thông qua người giám hộ.

Điều 4. Phạm vi nhận, gửi tiền gửi tiết kiệm

1. Tổ chức tín dụng được nhận tiền gửi tiết kiệm phù hợp với phạm vi hoạt động được phép theo quy định của pháp luật và Giấy phép thành lập, hoạt động của tổ chức tín dụng.

2. Công dân Việt Nam được gửi tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam; Công dân Việt Nam là người cư trú được gửi tiền gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ.

Điều 5. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tiền gửi tiết kiệm là khoản tiền được người gửi tiền gửi tại tổ chức tín dụng theo nguyên tắc được hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi theo thỏa thuận với tổ chức tín dụng.

2. Tiền gửi tiết kiệm chung là tiền gửi tiết kiệm của từ hai người gửi tiền trở lên.

3. Giao dịch tiền gửi tiết kiệm bao gồm giao dịch nhận, gửi tiền gửi tiết kiệm; chi trả, rút tiền gửi tiết kiệm; sử dụng tiền gửi tiết kiệm làm tài sản bảo đảm và chuyển giao quyền sở hữu tiền gửi tiết kiệm.

4. Giấy tờ xác minh thông tin của người gửi tiền là Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn thời hạn hiệu lực hoặc Giấy khai sinh của cá nhân chưa đủ 14 tuổi.

5. Giấy tờ xác minh thông tin của người đại diện theo pháp luật, người giám hộ (sau đây gọi chung là người đại diện theo pháp luật):

a) Trường hợp người đại diện theo pháp luật là cá nhân: Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn thời hạn hiệu lực;

b) Trường hợp người đại diện theo pháp luật là pháp nhân: Quyết định thành lập hoặc Giấy phép hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ khác tương đương theo quy định của pháp luật; Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn thời hạn hiệu lực và giấy tờ chứng minh tư cách đại diện của người đại diện hợp pháp của pháp nhân thực hiện giao dịch tiền gửi tiết kiệm.

Điều 6. Hình thức tiền gửi tiết kiệm

1. Hình thức tiền gửi tiết kiệm phân loại theo:

a) Thời hạn gửi tiền bao gồm tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn. Thời hạn gửi tiền cụ thể do tổ chức tín dụng xác định;

b) Tiêu chí khác do tổ chức tín dụng xác định.

2. Tổ chức tín dụng quy định cụ thể về từng hình thức tiền gửi tiết kiệm phù hợp với quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan, đảm bảo an toàn tài sản cho người gửi tiền và an toàn hoạt động cho tổ chức tín dụng. Quy định về hình thức tiền gửi tiết kiệm phải có tối thiểu các nội dung về phương thức trả lãi, phương pháp tính lãi, kéo dài thời hạn gửi tiền, rút trước hạn tiền gửi tiết kiệm, các trường hợp người gửi tiền phải thông báo trước việc rút trước hạn tiền gửi tiết kiệm.

Điều 7. Thẻ tiết kiệm

1. Thẻ tiết kiệm hoặc Sổ tiết kiệm (sau đây gọi chung là Thẻ tiết kiệm) là chứng chỉ xác nhận quyền sở hữu tiền gửi tiết kiệm của người gửi tiền tại tổ chức tín dụng, được áp dụng đối với trường hợp nhận tiền gửi tiết kiệm tại địa điểm giao dịch hợp pháp thuộc mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng.

2. Nội dung Thẻ tiết kiệm

a) Thẻ tiết kiệm phải có tối thiểu các nội dung sau:

(i) Tên tổ chức tín dụng, con dấu; Họ tên, chữ ký của giao dịch viên và của người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng;

(ii) Họ tên, số và ngày cấp Giấy tờ xác minh thông tin của người gửi tiền hoặc của tất cả người gửi tiền (đối với tiền gửi tiết kiệm chung) và thông tin của người đại diện theo pháp luật của người gửi tiền trong trường hợp gửi tiền gửi tiết kiệm thông qua người đại diện theo pháp luật;

(iii) Số Thẻ tiết kiệm; số tiền; đồng tiền; ngày gửi tiền; ngày đến hạn (đối với tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn); thời hạn gửi tiền; lãi suất; phương thức trả lãi;

(iv) Biện pháp để người gửi tiền tra cứu khoản tiền gửi tiết kiệm;

(v) Xử lý đối với trường hợp nhàu nát, rách, mất Thẻ tiết kiệm;

b) Ngoài các nội dung quy định tại điểm a khoản này, Thẻ tiết kiệm có thể có các nội dung khác theo quy định của tổ chức tín dụng.

Điều 8. Địa điểm nhận và chi trả tiền gửi tiết kiệm

1. Tổ chức tín dụng thực hiện nhận và chi trả tiền gửi tiết kiệm tại địa điểm giao dịch hợp pháp thuộc mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng (sau đây gọi là địa điểm giao dịch), trừ trường hợp nhận và chi trả tiền gửi tiết kiệm bằng phương tiện điện tử.

2. Đối với mỗi Thẻ tiết kiệm, tổ chức tín dụng được nhận và chi trả tiền gửi tiết kiệm tại địa điểm giao dịch nơi cấp Thẻ tiết kiệm hoặc các địa điểm giao dịch khác của tổ chức tín dụng. Trường hợp tổ chức tín dụng thực hiện nhận và chi trả tiền gửi tiết kiệm tại nhiều địa điểm giao dịch, tổ chức tín dụng phải đảm bảo việc nhận và chi trả tiền gửi tiết kiệm chính xác, an toàn tài sản cho người gửi tiền và an toàn hoạt động cho tổ chức tín dụng.

Điều 9. Lãi suất

1. Tổ chức tín dụng quy định lãi suất tiền gửi tiết kiệm phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về lãi suất trong từng thời kỳ.

2. Phương pháp tính lãi tiền gửi tiết kiệm thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Phương thức trả lãi tiền gửi tiết kiệm thực hiện theo thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và người gửi tiền.

Điều 10. Đồng tiền nhận, chi trả tiền gửi tiết kiệm

1. Đồng tiền nhận tiền gửi tiết kiệm là đồng Việt Nam, ngoại tệ. Tổ chức tín dụng xác định loại ngoại tệ nhận tiền gửi tiết kiệm.

2. Đồng tiền chi trả tiền gửi tiết kiệm là loại đồng tiền mà người gửi tiền đã gửi. Việc chi trả đối với ngoại tệ lẻ được thực hiện theo hướng dẫn của tổ chức tín dụng.

3. Đối với tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam của công dân Việt Nam là người cư trú, người gửi tiền và tổ chức tín dụng được thỏa thuận việc chi trả gốc, lãi vào tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam của chính người gửi tiền.

4. Đối với tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam của công dân Việt Nam là người không cư trú gửi từ tài khoản thanh toán của người gửi tiền, người gửi tiền và tổ chức tín dụng được thỏa thuận chi trả gốc bằng số tiền đã gửi và lãi tương ứng vào tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam của chính người gửi tiền.

5. Đối với tiền gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ của công dân Việt Nam là người cư trú gửi từ tài khoản thanh toán của người gửi tiền, người gửi tiền và tổ chức tín dụng được thỏa thuận chi trả gốc bằng số tiền đã gửi và lãi tương ứng vào tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của chính người gửi tiền.

Điều 11. Biện pháp tra cứu khoản tiền gửi tiết kiệm và biện pháp thông báo khi có thay đổi đối với khoản tiền gửi tiết kiệm

1. Tổ chức tín dụng phải cung cấp một biện pháp để người gửi tiền tra cứu khoản tiền gửi tiết kiệm.

2. Ngoài biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức tín dụng và người gửi tiền được thỏa thuận về các biện pháp khác để người gửi tiền tra cứu khoản tiền gửi tiết kiệm và biện pháp tổ chức tín dụng thông báo cho người gửi tiền khi có thay đổi đối với khoản tiền gửi tiết kiệm.

Điều 12. Thủ tục gửi tiền gửi tiết kiệm tại địa điểm giao dịch của tổ chức tín dụng

1. Người gửi tiền phải trực tiếp đến địa điểm giao dịch của tổ chức tín dụng và xuất trình Giấy tờ xác minh thông tin của người gửi tiền; trường hợp gửi tiền gửi tiết kiệm chung, tất cả người gửi tiền phải trực tiếp xuất trình Giấy tờ xác minh thông tin của mình. Trường hợp gửi tiền gửi tiết kiệm thông qua người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo pháp luật phải xuất trình giấy tờ chứng minh tư cách đại diện của người đại diện theo pháp luật, Giấy tờ xác minh thông tin của người đại diện theo pháp luật và Giấy tờ xác minh thông tin của người gửi tiền.

2. Người gửi tiền đăng ký chữ ký mẫu trong trường hợp thay đổi chữ ký mẫu hoặc chưa có chữ ký mẫu được lưu tại tổ chức tín dụng. Đối với người gửi tiền là người không viết được, người không đọc được, người không nhìn được: người gửi tiền thực hiện theo hướng dẫn của tổ chức tín dụng.

3. Tổ chức tín dụng đối chiếu, cập nhật các thông tin người gửi tiền theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

4. Người gửi tiền thực hiện thủ tục khác theo hướng dẫn của tổ chức tín dụng.

5. Sau khi hoàn thành các thủ tục quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này, tổ chức tín dụng thực hiện việc nhận tiền gửi tiết kiệm và giao Thẻ tiết kiệm cho người gửi tiền.

6. Đối với việc gửi tiền gửi tiết kiệm vào Thẻ tiết kiệm đã cấp:

a) Trường hợp gửi bằng tiền mặt: Người gửi tiền thực hiện các thủ tục quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này, xuất trình Thẻ tiết kiệm đã cấp. Tổ chức tín dụng nhận tiền gửi tiết kiệm, ghi nhận tiền gửi tiết kiệm vào Thẻ tiết kiệm đã cấp và giao Thẻ tiết kiệm cho người gửi tiền;

b) Trường hợp gửi từ tài khoản thanh toán của người gửi tiền: người gửi tiền thực hiện các thủ tục do tổ chức tín dụng hướng dẫn.

Điều 13. Sử dụng tiền gửi tiết kiệm làm tài sản bảo đảm

Tiền gửi tiết kiệm được sử dụng để làm tài sản bảo đảm theo hướng dẫn của tổ chức tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

Điều 14. Chuyển giao quyền sở hữu tiền gửi tiết kiệm

Tổ chức tín dụng hướng dẫn người gửi tiền thực hiện giao dịch chuyển giao quyền sở hữu tiền gửi tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan. Trừ trường hợp chuyển giao quyền sở hữu theo thừa kế, đối tượng nhận chuyển giao quyền sở hữu phải đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

Điều 15. Kéo dài thời hạn gửi tiền

Vào ngày đến hạn của khoản tiền gửi tiết kiệm, nếu người gửi tiền không đến rút tiền và không có yêu cầu hoặc thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng kéo dài thêm một thời hạn mới theo quy định của tổ chức tín dụng về hình thức tiền gửi tiết kiệm đó.

Điều 16. Xử lý các trường hợp rủi ro

Tổ chức tín dụng hướng dẫn việc xử lý đối với trường hợp nhàu nát, rách, mất Thẻ tiết kiệm và các trường hợp rủi ro khác đối với tiền gửi tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan, mô hình quản lý, đặc điểm, điều kiện kinh doanh của tổ chức tín dụng và đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền.

Điều 17. Rút trước hạn tiền gửi tiết kiệm

1. Việc rút trước hạn tiền gửi tiết kiệm được thực hiện theo thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và người gửi tiền khi gửi tiền.

2. Lãi suất áp dụng đối với tiền gửi tiết kiệm rút trước hạn phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về lãi suất áp dụng đối với trường hợp rút trước hạn tại thời điểm rút trước hạn tiền gửi tiết kiệm.

Điều 18. Thủ tục chi trả tiền gửi tiết kiệm tại địa điểm giao dịch của tổ chức tín dụng

1. Tổ chức tín dụng đề nghị người gửi tiền thực hiện các thủ tục sau:

a) Xuất trình Thẻ tiết kiệm;

b) Xuất trình Giấy tờ xác minh thông tin của người gửi tiền, của tất cả người gửi tiền (đối với tiền gửi tiết kiệm chung). Trường hợp chi trả tiền gửi tiết kiệm thông qua người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo pháp luật phải xuất trình giấy tờ chứng minh tư cách đại diện của người đại diện theo pháp luật, Giấy tờ xác minh thông tin của người đại diện theo pháp luật và Giấy tờ xác minh thông tin của người gửi tiền;

c) Nộp giấy rút tiền gửi tiết kiệm có chữ ký đúng với chữ ký mẫu đã đăng ký tại tổ chức tín dụng. Đối với người gửi tiền là người không viết được, người không đọc được, người không nhìn được: người gửi tiền thực hiện theo hướng dẫn của tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng đối chiếu thông tin của người gửi tiền, thông tin của người đại diện theo pháp luật của người gửi tiền trong trường hợp chi trả tiền gửi tiết kiệm thông qua người đại diện theo pháp luật, thông tin trên Thẻ tiết kiệm, chữ ký trên giấy rút tiền đảm bảo chính xác với các thông tin lưu tại tổ chức tín dụng.

3. Sau khi tổ chức tín dụng và người gửi tiền hoàn thành các thủ tục quy định tại khoản 1 và 2 Điều này, tổ chức tín dụng thực hiện việc chi trả đầy đủ gốc, lãi tiền gửi tiết kiệm cho người gửi tiền.

4. Tổ chức tín dụng hướng dẫn thủ tục chi trả đối với các trường hợp chi trả sau đây phù hợp với quy định của Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan, đảm bảo việc chi trả tiền gửi tiết kiệm chính xác, an toàn tài sản cho người gửi tiền và an toàn hoạt động cho tổ chức tín dụng:

a) Chi trả tiền gửi tiết kiệm theo thừa kế;

b) Chi trả tiền gửi tiết kiệm theo ủy quyền của người gửi tiền.

Điều 19. Thực hiện nhận, chi trả tiền gửi tiết kiệm bằng phương tiện điện tử

1. Tổ chức tín dụng hướng dẫn thủ tục nhận, chi trả tiền gửi tiết kiệm bằng phương tiện điện tử thông qua tài khoản thanh toán của người gửi tiền tại tổ chức

tín dụng phù hợp với quy định tại Thông tư này, quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, về phòng, chống rửa tiền và các quy định của pháp luật có liên quan đảm bảo việc nhận, chi trả tiền gửi tiết kiệm chính xác, an toàn tài sản cho người gửi tiền và an toàn hoạt động cho tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng phải đảm bảo lưu giữ đầy đủ các thông tin liên quan đến việc nhận, chi trả tiền gửi tiết kiệm bằng phương tiện điện tử để đáp ứng yêu cầu của người gửi tiền trong việc tra soát, kiểm tra và giải quyết tranh chấp.

Điều 20. Quy định nội bộ

1. Căn cứ quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan, tổ chức tín dụng ban hành quy định nội bộ về giao dịch tiền gửi tiết kiệm của tổ chức tín dụng phù hợp với mô hình quản lý, đặc điểm, điều kiện kinh doanh, đảm bảo việc thực hiện giao dịch tiền gửi tiết kiệm chính xác, an toàn tài sản cho người gửi tiền và an toàn hoạt động cho tổ chức tín dụng.

2. Quy định nội bộ phải quy định rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của từng bộ phận, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện giao dịch tiền gửi tiết kiệm và phải bao gồm tối thiểu các quy định sau:

a) Nhận tiền gửi tiết kiệm, trong đó phải có tối thiểu các nội dung: nhận tiền, ghi sổ kế toán việc nhận tiền gửi tiết kiệm; điền đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 7 vào Thẻ tiết kiệm; giao Thẻ tiết kiệm cho người gửi tiền;

b) Chi trả tiền gửi tiết kiệm, trong đó phải có tối thiểu các nội dung: nhận Thẻ tiết kiệm; ghi sổ kế toán; chi trả gốc, lãi tiền gửi tiết kiệm;

c) Sử dụng tiền gửi tiết kiệm làm tài sản bảo đảm;

d) Chuyển giao quyền sở hữu tiền gửi tiết kiệm;

đ) Xử lý các trường hợp rủi ro theo quy định tại Điều 16 Thông tư này;

e) Thiết kế, in ấn, nhập xuất, bảo quản, kiểm kê, quản lý Thẻ tiết kiệm;

g) Biện pháp để người gửi tiền tra cứu khoản tiền gửi tiết kiệm và biện pháp tổ chức tín dụng thông báo cho người gửi tiền khi có thay đổi đối với khoản tiền gửi tiết kiệm theo quy định tại Điều 11 Thông tư này;

h) Nhận, chi trả tiền gửi tiết kiệm bằng phương tiện điện tử (áp dụng đối với tổ chức tín dụng thực hiện nhận, chi trả tiền gửi tiết kiệm bằng phương tiện điện tử).

Điều 21. Niêm yết công khai

1. Tổ chức tín dụng phải niêm yết công khai tại địa điểm giao dịch của tổ chức tín dụng và đăng tải trên trang thông tin điện tử (nếu có) của tổ chức tín dụng tối thiểu các nội dung sau:

a) Lãi suất tiền gửi tiết kiệm; mức phí (nếu có);

b) Loại ngoại tệ nhận tiền gửi tiết kiệm;

c) Thủ tục giao dịch tiền gửi tiết kiệm giữa tổ chức tín dụng và người gửi tiền;

d) Quy định về từng hình thức tiền gửi tiết kiệm;

đ) Biện pháp để người gửi tiền tra cứu khoản tiền gửi tiết kiệm;

e) Xử lý đối với trường hợp nhàu nát, rách, mất Thẻ tiết kiệm.

2. Tổ chức tín dụng phải thực hiện đúng các nội dung đã niêm yết công khai theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2019 và thay thế Quyết định số 1160/2004/QĐ-NHNN ngày 13 tháng 9 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành Quy chế về tiền gửi tiết kiệm, Quyết định số 47/2006/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 9 năm 2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về tiền gửi tiết kiệm ban hành kèm theo Quyết định số 1160/2004/QĐ-NHNN ngày 13 tháng 9 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm còn số dư đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng và người gửi tiền tiếp tục thực hiện theo các nội dung đã thỏa thuận hoặc sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại Thông tư này.

3. Ngân hàng Chính sách xã hội được căn cứ quy định tại Thông tư này để hướng dẫn giao dịch tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Chính sách xã hội phù hợp với quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Nguyễn Thị Hồng